

### 3. Cấp phát kinh phí:

- Căn cứ vào dự toán chi ngân sách năm được giao và dự toán chi ngân sách quý được duyệt của Ban Biên giới các tỉnh, Sở Tài chính - Vật giá tỉnh làm thủ tục cấp phát kinh phí cho Ban Biên giới các tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân các tỉnh (trường hợp Ban Biên giới tỉnh không có tài khoản riêng) để triển khai công việc.

- Căn cứ vào số kinh phí do Sở Tài chính - Vật giá cấp cho Ban Biên giới các tỉnh, kho bạc nhà nước kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ thanh toán và lệnh chuẩn chi của Thủ trưởng đơn vị thực hiện thanh toán cho Ban Biên giới các tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

- Ban Biên giới các tỉnh phải mở sổ kế toán theo dõi, quản lý việc chi tiêu cho công tác biên giới theo đúng quy định tại Quyết định số 999-TC/QĐ/CDKT ngày 02/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

### III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 1998. Riêng năm 1998, kinh phí do ngân sách Trung ương cấp ủy quyền được chi theo các nội dung quy định tại Tiết a, Điểm 1, Mục II của Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính, Ban Biên giới của Chính phủ để xem xét, giải quyết./.

Trưởng Ban Biên giới của Chính phủ

**TRẦN CÔNG TRỰC**

Bộ trưởng Bộ Tài chính

**NGUYỄN SINH HÙNG**

### BỘ TÀI CHÍNH

## THÔNG TƯ số 104/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 hướng dẫn những vấn đề về tài chính khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần

(theo Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998).

Thi hành Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Bộ Tài chính hướng dẫn những vấn đề về tài chính như sau:

#### Phần thứ nhất

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các doanh nghiệp nhà nước thuộc diện cổ phần hóa đã quy định tại Phụ lục phân loại doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Điều 1 Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ.

2. Các từ ngữ trong Thông tư này được hiểu là:

2.1. Công ty cổ phần: là doanh nghiệp trong đó các cổ đông cùng góp vốn, cùng tham gia quản lý cùng chia lợi nhuận, cùng chịu rủi ro tương ứng với phần vốn góp.

2.2. Cổ phần: là số vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau.

2.3. Cổ đông: là những cá nhân, pháp nhân sở hữu cổ phần của công ty cổ phần.

2.4. Cổ phiếu: là một loại chứng chỉ có giá do công ty cổ phần phát hành để xác nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông.

2.5. "Vốn điều lệ" của công ty cổ phần: là tổng số vốn do các cổ đông đóng góp và được ghi vào điều lệ công ty.

2.6. Giá trị doanh nghiệp theo sổ kế toán: là tổng giá trị tài sản thể hiện trong Bảng cân đối

kế toán của doanh nghiệp theo chế độ kế toán hiện hành.

2.7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp: là tổng giá trị thực tế của tài sản (hữu hình và vô hình) thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tính theo giá thị trường tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

2.8. Giá trị phần vốn Nhà nước theo sổ kế toán: là phần còn lại sau khi lấy tổng giá trị tài sản phản ánh ở Bảng cân đối kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp trừ (-) đi các khoản nợ phải trả, số dư quỹ phúc lợi, khen thưởng (nếu có).

2.9. Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: là phần còn lại sau khi lấy tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp trừ (-) đi các khoản nợ thực tế phải trả, số dư quỹ phúc lợi, khen thưởng (nếu có).

2.10. Cổ tức: là một phần lợi nhuận sau thuế của công ty cổ phần để chia cho các cổ đông.

2.11. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp: là giá trị tăng thêm do các yếu tố lợi thế tạo ra như: vị trí địa lý, uy tín mặt hàng của doanh nghiệp.

2.12. Cổ phần chi phối của Nhà nước: là các loại cổ phần đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần của Công ty;
- Cổ phần của Nhà nước ít nhất gấp 2 lần cổ phần của cổ đông lớn nhất khác trong Công ty.

2.13. Cổ phần đặc biệt của Nhà nước: là cổ phần của Nhà nước trong Công ty mà Nhà nước không có cổ phần chi phối nhưng có quyền quyết định một số vấn đề quan trọng của Công ty được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần.

2.14. Tiền bán cổ phần: là số tiền thu được khi bán cổ phần của công ty cổ phần.

2.15. Tiền bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước: là giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trừ (-) giá trị cổ phần Nhà nước góp vào Công ty.

Số tiền thực thu về bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước là tiền bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước trừ (-) chi phí cổ phần hóa và giá trị ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp.

2.16. Chi phí cổ phần hóa: là các khoản chi phí thực tế cần thiết để chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

2.17. Cơ quan quản lý trực tiếp của doanh nghiệp cổ phần hóa là:

- Bộ quản lý ngành (nếu là doanh nghiệp độc lập do Bộ, ngành quản lý);
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (nếu là doanh nghiệp độc lập do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý);
- Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhà nước (nếu là doanh nghiệp thành viên Tổng công ty nhà nước);
- Giám đốc doanh nghiệp độc lập (nếu là bộ phận của doanh nghiệp độc lập tách ra để cổ phần hóa).

2.18. Người quản lý trực tiếp phần vốn Nhà nước: là người được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cử trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại công ty cổ phần.

2.19. Thời điểm cổ phần hóa: là thời điểm ghi trong quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

3. Sau khi doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần thì công ty cổ phần được kế thừa tất cả quyền lợi và thực hiện mọi nghĩa vụ của doanh nghiệp nhà nước.

#### 4. Hình thức cổ phần hóa.

Tùy theo tình hình và yêu cầu cụ thể, các doanh nghiệp nhà nước có thể lựa chọn và vận dụng một trong bốn hình thức cổ phần hóa dưới đây:

4.1. Giữ nguyên giá trị phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu, thu hút thêm vốn để phát triển doanh nghiệp. Theo hình thức này thì giá trị cổ phần của Nhà nước góp vào công ty bằng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trừ (-) chi phí cổ phần hóa, giá trị ưu đãi cho người lao động và giá trị phần trả dần của người lao động nghèo theo quy định của Nhà nước.

4.2. Bán một phần giá trị vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp. Theo hình thức này thì Nhà

nước sử dụng một phần giá trị thực tế vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để bán cho các cổ đông.

4.3. Tách một bộ phận của doanh nghiệp để cổ phần hóa. Theo hình thức này thì một bộ phận của doanh nghiệp có thể hoạt động độc lập và hạch toán riêng giá trị tài sản, được tách ra để cổ phần hóa (phân xưởng sản xuất, cửa hàng, bộ phận dịch vụ...).

4.4. Bán toàn bộ giá trị vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp để chuyển thành công ty cổ phần. Theo hình thức này, Nhà nước không tham gia cổ phần ở công ty cổ phần.

### *Phần thứ hai*

## NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### I. QUYỀN ĐƯỢC MUA CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

Khi doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần thì quyền mua cổ phần lần đầu được quy định tại Điều 8 Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ, như sau:

1. Doanh nghiệp mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt thì mỗi pháp nhân được mua không quá 10%, mỗi cá nhân được mua không quá 5% tổng số cổ phần của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp mà Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt thì mỗi pháp nhân được mua không quá 20%, mỗi cá nhân được mua không quá 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp mà Nhà nước không tham gia cổ phần thì không hạn chế pháp nhân, cá nhân mua cổ phần nhưng phải có đủ số cổ đông theo quy định của Luật công ty.

4. Trước khi cổ phần hóa, doanh nghiệp nhà nước có vay vốn của người lao động để sản xuất kinh doanh, khi chuyển thành công ty cổ phần thì được chuyển một phần hoặc toàn bộ số vốn đã cho doanh nghiệp vay thành vốn mua cổ phần, nếu họ có yêu cầu.

Sau 30 ngày kể từ ngày bắt đầu bán cổ phần, số cổ phần thực tế bán ra chưa đủ theo đề án đã được duyệt mà các cổ đông có nhu cầu mua cao

hơn mức khống chế quy định thì sau khi có đề nghị của doanh nghiệp cổ phần hóa, cơ quan quyết định cổ phần hóa xem xét cụ thể để điều chỉnh tăng quyền được mua cổ phần cho các cá nhân, pháp nhân phù hợp với tình hình của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối, thì việc tăng quyền được mua cổ phần không làm ảnh hưởng đến cổ phần chi phối của Nhà nước.

## II. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. **Nguyên tắc xác định:** Theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ.

2. **Kiểm kê tài sản thuộc sở hữu của doanh nghiệp:**

Tài sản thuộc sở hữu của doanh nghiệp phải kiểm kê bao gồm: Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định và đầu tư dài hạn được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán theo chế độ kế toán hiện hành.

Tài sản thuê ngoài, vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán hộ, nhận ký gửi được kiểm kê riêng.

2.1. Kiểm kê tài sản phải theo các yêu cầu sau đây:

2.1.1. Xác định số lượng tài sản thực tế hiện có đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

2.1.2. Phân loại tài sản hiện có thuộc sở hữu của doanh nghiệp:

- Tài sản mà doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng thì căn cứ vào thông số kỹ thuật và thực trạng tài sản để xác định chất lượng còn lại của từng tài sản, loại hoặc nhóm tài sản. Chất lượng còn lại thể hiện bằng tỷ lệ % so với chất lượng tài sản mua sắm, đầu tư xây dựng mới.

- Tài sản không có nhu cầu sử dụng bao gồm tài sản không cần dùng, tài sản không có khả năng phục hồi cho quá trình sản xuất kinh doanh được kê khai riêng để có biện pháp xử lý.

- Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có) cần kiểm kê để bàn giao riêng cho công ty cổ phần quản lý, sử dụng.

2.1.3. Xác định tài sản thiếu hụt so với sổ sách (nếu có).

2.1.4. Đối chiếu và phân loại các khoản công nợ.

Nợ phải thu khó đòi phải có chứng cứ hợp lệ, cụ thể:

- Khoản nợ mà con nợ không xác nhận;
- Con nợ là pháp nhân đã bị giải thể, phá sản;
- Con nợ là cá nhân đã chết, đã bỏ trốn, không có người kế thừa trách nhiệm;
- Các khoản nợ khó đòi do các nguyên nhân khác.

2.2. Tổ chức kiểm kê tài sản.

Giám đốc doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa phải thành lập Hội đồng để kiểm kê tài sản theo các yêu cầu trên. Thành viên Hội đồng kiểm kê gồm:

- Giám đốc doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa là Chủ tịch Hội đồng;
- Kế toán trưởng là thành viên Hội đồng;
- Trưởng phòng kỹ thuật là thành viên Hội đồng.

Ngoài ra, tùy theo tình hình cụ thể, giám đốc doanh nghiệp mời các chuyên gia kỹ thuật am hiểu tính năng tác dụng và chất lượng của tài sản để tham gia vào Hội đồng kiểm kê tài sản.

### **3. Xử lý tài sản và các khoản nợ trước khi cổ phần hóa:**

3.1. Các tài sản sau đây không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa:

3.1.1. Những tài sản mà doanh nghiệp không thể tiếp tục sử dụng đã phản ánh trên báo cáo tài chính trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp có thể xử lý theo một trong những biện pháp sau đây:

- Cơ quan quản lý trực tiếp của doanh nghiệp điều động cho các doanh nghiệp khác thuộc phạm vi quản lý của mình;

- Tổ chức bán đấu giá (hoặc thanh lý); tiền thu từ bán đấu giá (hoặc thanh lý) sau khi trừ (-) chi phí bán đấu giá (hoặc thanh lý) nếu phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa thì tính vào giá trị doanh nghiệp, nếu phát sinh sau thời điểm cổ

phần hóa thì phải nộp vào tài khoản tương ứng quy định tại Điểm 2 Mục V của Thông tư này;

- Nếu khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần mà các tài sản này không bán đấu giá (hoặc thanh lý) được thì cơ quan quyết định cổ phần hóa ủy quyền cho công ty cổ phần quản lý hộ. Chậm nhất trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm cổ phần hóa, cơ quan quyết định cổ phần hóa phải tổ chức bán đấu giá (hoặc thanh lý) để thu hồi vốn. Việc bán đấu giá (hoặc thanh lý) tài sản thực hiện theo quy định hiện hành.

3.1.2. Nợ phải thu khó đòi quy định tại Điểm 2.1.4 mục này.

3.1.3. Chi phí xây dựng dở dang của những công trình đã đình hoãn trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

3.1.4. Các khoản đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp khác nhưng doanh nghiệp không thực hiện cổ phần hóa khoản đầu tư này thì cơ quan quyết định cổ phần hóa xử lý.

3.1.5. Tài sản thuê tài chính: là phần nợ chưa trả cho chủ tài sản.

3.1.6. Tài sản thuê ngoài: Trường hợp bên cho thuê đồng ý bán, doanh nghiệp đi thuê đồng ý mua tài sản đang thuê thì doanh nghiệp đi thuê có trách nhiệm thanh toán theo giá hai bên thỏa thuận. Nếu bên cho thuê là doanh nghiệp nhà nước cùng cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý chuyển giao tài sản cho doanh nghiệp cổ phần hóa thì cơ quan quản lý trực tiếp của doanh nghiệp quyết định điều động tài sản cho bên đi thuê, bên giao tài sản được hạch toán giảm vốn, bên nhận tài sản được hạch toán tăng vốn. Bên nhận tài sản (doanh nghiệp cổ phần hóa) phải đánh giá lại tài sản và tính vào giá trị doanh nghiệp.

Nếu doanh nghiệp cổ phần hóa đi thuê có đầu tư, cải tạo nâng cấp thêm trên tài sản đi thuê thì giá trị còn lại của phần đã đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xử lý như sau:

+ Nếu doanh nghiệp cho thuê nhận lại tài sản thì doanh nghiệp này thanh toán lại cho doanh nghiệp thuê giá trị đã đầu tư nâng cấp. Nếu bên

cho thuê là doanh nghiệp nhà nước đồng ý nhận lại tài sản kèm theo giá trị đã đầu tư cải tạo, nâng cấp thì 2 bên có thể bàn giao giá trị đã đầu tư nâng cấp và hạch toán theo nguyên tắc tăng, giảm vốn như trên;

+ Nếu công ty cổ phần tiếp tục thuê tài sản thì chi phí đã đầu tư, cải tạo, nâng cấp được tính vào giá trị doanh nghiệp.

3.1.7. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

3.2. Đối với tài sản doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng nhưng chưa xác định được chủ sở hữu thì đều được coi là tài sản thuộc vốn Nhà nước, và phải xác định giá trị. Khi xác định được chủ sở hữu, Bộ Tài chính sẽ xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

3.3. Các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán, chênh lệch tỷ giá, các khoản lãi chưa phân phối (nếu có), cũng phải xử lý trước khi xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp.

3.4. Số dư bằng tiền quỹ khen thưởng, phúc lợi được chia cho người lao động để mua cổ phần.

**4. Giá thị trường dùng để xác định giá trị thực tế tài sản được quy định như sau:**

4.1. Đối với tài sản mà trên thị trường có lưu thông thì giá thị trường là giá đang mua, hoặc đang bán của tài sản đó.

4.2. Đối với tài sản chuyên dùng hoặc là sản phẩm đầu tư xây dựng thì căn cứ vào suất đầu tư (hay giá đầu tư) ở thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp do cấp có thẩm quyền quy định.

4.3. Nếu là tài sản đặc thù không lưu thông trên thị trường, thì tính theo giá tài sản cùng loại có công suất, tính năng kỹ thuật tương đương, nếu không có tài sản tương đương thì tính theo giá của tài sản đó đã ghi trên sổ kế toán.

**5. Nội dung và phương pháp xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa:**

5.1. Đối với tài sản cố định, tài sản lưu động là hiện vật đã được kiểm kê và xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị thực tế tài sản} = \text{Số lượng thực tế của từng tài sản} \times \text{Giá thị trường của tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} \times \text{Chất lượng còn lại của tài sản (\%)}$$

5.2. Đối với tài sản là vốn bằng tiền thì tính theo số dư vốn bằng tiền đã kiểm quỹ hoặc đã đối chiếu tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Nếu số dư là ngoại tệ thì phải quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá liên Ngân hàng công bố tại thời điểm gần nhất.

5.3. Đối với nợ phải thu là các khoản nợ đã được đối chiếu xác nhận.

5.4. Đối với các khoản chi phí dở dang (bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí sự nghiệp, chi phí đầu tư xây dựng) thì tính theo số dư chi phí thực tế trên sổ kế toán.

5.5. Đối với tài sản ký cược, ký quỹ ngắn hạn và dài hạn thì tính theo số dư thực tế trên sổ kế toán đã đối chiếu xác nhận tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

5.6. Đối với tài sản đầu tư ngắn hạn và dài hạn thì tính vào giá trị doanh nghiệp các khoản mà công ty cổ phần sẽ tiếp tục kế thừa.

5.7. Đối với tài sản vô hình (nếu có) thì tính theo giá trị còn lại đang hạch toán trên sổ kế toán.

5.8. Đối với doanh nghiệp có lợi thế kinh doanh thì phải tính thêm giá trị lợi thế vào giá trị thực tế của doanh nghiệp, như sau:

- Trường hợp giá trị lợi thế (như uy tín mặt hàng, vị trí địa lý) đã được đánh giá thì lấy số dư thực tế trên sổ kế toán để tính vào giá trị doanh nghiệp;

- Trường hợp chưa xác định được giá trị lợi thế kinh doanh thì căn cứ vào tỷ suất lợi nhuận siêu ngạch bình quân của 3 năm liền kề với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để tính lợi thế theo công thức:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận bình quân 3 năm của doanh nghiệp} = \frac{\text{Tổng số lợi nhuận thực hiện của 3 năm liền kề}}{\text{Tổng số vốn Nhà nước theo sổ kế toán 3 năm liền kề}}$$

Tỷ suất lợi nhuận bình quân 3 năm của doanh nghiệp = Tỷ suất lợi nhuận bình quân chung của doanh nghiệp nhà nước cùng ngành nghề trên cùng địa bàn (tỉnh, thành phố)

Giá trị lợi thế tính vào giá trị doanh nghiệp =  $\frac{\text{Vốn Nhà nước theo sổ kế toán bình quân của 3 năm liên kế} \times \text{Tỷ suất lợi nhuận siêu ngạch} \times 30\%}{\text{Vốn Nhà nước theo sổ kế toán bình quân của 3 năm liên kế}}$

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa là tổng số các khoản (5.1 + 5.2 + 5.3 + 5.4 + 5.5 + 5.6 + 5.7 + 5.8) nói trên.

5.9. Những doanh nghiệp không thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê thì cơ quan quyết định giá trị doanh nghiệp xem xét thuê tổ chức kiểm toán độc lập xác định. Tiền thuê kiểm toán được tính vào chi phí cổ phần hóa.

## 6. Xác định giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là phần còn lại của giá trị thực tế doanh nghiệp trừ đi các khoản nợ thực tế phải trả kể cả số dư quỹ phúc lợi, khen thưởng.

- Nợ thực tế phải trả: là tổng số các khoản nợ được quy định tại Mục A (Nợ phải trả - Mã số 300) Bảng cân đối kế toán trừ (-) các khoản nợ không trả được.

- Các khoản nợ không trả được: là các khoản nợ mà chủ nợ đã giải thể, đã phá sản, đã chết, đã bỏ trốn, hoặc chủ nợ từ bỏ quyền đòi nợ.

## 7. Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp:

7.1. Thành phần Hội đồng gồm có:

- Đại diện cơ quan Tài chính làm Chủ tịch;
- Đại diện cơ quan quản lý ngành (Bộ, Sở quản lý ngành, Tổng Công ty 91) là thành viên;
- Đại diện lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa là thành viên.

Ngoài các thành viên chính thức nói trên, căn cứ vào tình hình tài sản trong doanh nghiệp

và yêu cầu cụ thể, Hội đồng được mời thêm các tổ chức hoặc chuyên gia kỹ thuật, các chuyên gia kinh tế, tài chính kế toán trong và ngoài doanh nghiệp cần thiết cho việc đánh giá chất lượng và xác định giá trị thực tế của từng loại tài sản đó.

### 7.2. Nhiệm vụ của Hội đồng là:

7.2.1. Xem xét thẩm định kết quả kiểm kê của doanh nghiệp đã quy định tại Điểm 2 Mục II của Thông tư này.

7.2.2. Tổ chức đánh giá, xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp và xác định giá trị thực tế phần vốn Nhà nước theo hướng dẫn trên đây.

7.2.3. Lập biên bản có đầy đủ chữ ký của các thành viên chính thức về kết quả xác định giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc biểu quyết tập thể. Trong trường hợp có số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch là ý kiến quyết định.

Biên bản xác định giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phải gửi đến các cơ quan sau đây:

- Bộ quản lý ngành (hoặc Tổng Công ty 91) nếu doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành (hoặc Tổng Công ty 91) quản lý;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nếu doanh nghiệp do địa phương quản lý;

- Bộ Tài chính.

Thời hạn để xác định giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tối đa là 15 ngày kể từ ngày thành lập Hội đồng.

7.2.4. Xác định lại kết quả giá trị doanh nghiệp nếu người quyết định giá trị doanh nghiệp yêu cầu.

## 8. Thẩm quyền quyết định và điều chỉnh giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:

8.1. Thẩm quyền quyết định giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:

www.LuatVietnam.com  
Tel: +84-6-3845 6684